

Ảnh Diệp Đức Minh



SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU LÚA GẠO VN Thực trạng và dự báo đến năm 2010

NGUYỄN SINH CÚC

Sau hơn 17 năm xuất khẩu gạo và hiện nay trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới nhưng VN vẫn chưa có qui hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể về sản xuất lúa gạo xuất khẩu (vùng nào, địa phương nào, bao nhiêu diện tích, cơ cấu giống lúa, đầu tư thâm canh).

1. Thực trạng thời kỳ 2001-2005

Những kết quả và thành tựu:

Lúa là cây trồng chính của VN, là nguồn thu nhập chính của trên 10 triệu hộ nông dân khắp các vùng miền cả nước. Trong 20 năm đổi mới, sản xuất lúa gạo tăng trưởng liên tục cả diện tích, năng suất và sản lượng. Năm 1986, diện tích gieo trồng lúa chỉ có 5.688,6 nghìn ha, năng suất bình quân 28,1 tạ/ha/vụ và sản lượng 16.874,8 nghìn ha, đến năm 2005 ba con số tương ứng đã lên tới 7.329,2 nghìn ha; 48,9 tạ/ha và 35.832,9 nghìn tấn. Tính chung 20 năm, sản lượng lúa tăng thêm 19 triệu tấn, gấp hơn 2 lần, bình quân mỗi năm tăng gần 1 triệu tấn, hơn 5%. Thực trạng đó được thể hiện rõ nhất trong kế hoạch 5 năm từ 2001-2005.

Thực hiện Nghị quyết số 09 /2000-CP của Chính phủ ngày 15.6.2000 "về một số chủ trương và chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp", sản xuất lúa VN đã có sự chuyển đổi quan trọng. Nội dung cơ bản của Nghị quyết là ổn định 4 triệu ha đất lúa có tưới tiêu chủ động và chuyển một phần đất lúa năng suất thấp, không ổn định sang trồng các cây trồng khác hoặc nuôi trồng thủy sản có hiệu quả hơn như đất khô hạn chuyển sang trồng màu, đất trũng và đất ven biển chuyển sang nuôi trồng thủy sản, đất lúa ven đô thị chuyển sang trồng rau, hoa, cây ăn quả. Mục tiêu đặt ra cho năm 2010 chỉ đạt 40 triệu tấn lương thực có hạt, trong đó sản lượng lúa 33 triệu tấn, ngô từ 5-6 triệu tấn/năm đủ nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi.

Sản xuất lúa: Thực hiện chủ trương của Chính phủ, bắt đầu từ năm 2001, các địa phương, trước hết là các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long đã chuyển 174 nghìn ha, bằng 1,7% (từ 7.666,3 nghìn ha năm 2000 xuống 7.492,7 nghìn ha năm 2001) đất lúa vùng ven biển, vùng khô hạn thiếu nước năng suất thấp và không ổn định sang nuôi trồng thủy sản hoặc các cây trồng cạn. Các địa phương chuyển đổi nhiều và nhanh trong năm 2001 là Cà Mau chuyển trên 117 nghìn ha, Bạc Liêu chuyển 39 nghìn ha, Sóc Trăng chuyển 22 nghìn ha, Long An 12 nghìn ha. Các vùng khác, xu hướng phổ biến là chuyển đất lúa năng suất thấp sang trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, điển hình là ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng: Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hà Nội. Xu hướng giảm diện tích gieo trồng lúa và nước liên tục trong các năm tiếp theo với quy mô và tốc độ khác nhau, hình thức đa dạng, chủ yếu là tự phát. Vì vậy, sản xuất lúa của cả nước xuất hiện xu hướng giảm diện tích gieo cấy lúa vụ 3 và lúa vụ mùa năng suất thấp, đồng thời tăng đầu tư thâm canh bằng sử dụng giống mới năng suất cao, chất lượng tốt để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu với giá cả cao hơn. Năng suất lúa tăng cao nhưng sản lượng lúa tăng đã chậm hơn các thời kỳ trước đó. Năng suất lúa năm 2005 đạt 48,9 tạ/ha tăng 6 tạ/ha/vụ (13,9%), Sản lượng đạt 35,83 triệu tấn tăng 3,7 triệu so với năm 2001.

Không chỉ tăng năng suất, sản lượng, sản xuất lúa VN thời kỳ này còn có nhiều tiến bộ về chất lượng sản phẩm gạo để đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu. Xu hướng tăng năng suất bằng mọi giá đã dần dần chuyển sang tăng chất lượng và hiệu quả để tăng giá trị thu nhập trên từng đơn vị diện tích, tăng chất lượng gạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu gạo là nét mới đáng ghi nhận, là thành tựu mới của sản xuất lương thực VN thời kỳ 2001-2005 khác hẳn các thời kỳ trước đó.

Do diện tích đất lúa chuyển đổi mục đích sử dụng chủ yếu là diện tích chỉ gieo cấy 1 vụ lúa mùa năng suất thấp nên cơ cấu mùa vụ cũng thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng diện tích lúa hè thu và lúa đông xuân, giảm tỷ trọng diện tích lúa mùa. Chung 5 năm, diện tích lúa mùa giảm gần 200 nghìn ha, lúa hè thu tăng 138 nghìn ha và diện tích lúa đông xuân ổn định. Không chỉ tăng diện tích, năng suất lúa hè thu cũng tăng nhanh từ 37,7 tạ/ha năm 2001 lên 43,4 tạ/ha năm 2004 và 44,4 tạ/ha năm 2005. Cùng trong thời gian đó, diện tích lúa đông xuân về cơ bản ổn định ở mức trên dưới 3 triệu ha/năm nhưng năng suất tăng nhanh từ 50,6 tạ/ha năm 2001 lên 57,3 tạ/ha năm 2004 và 58,9 tạ/ha năm 2005.

Cùng với việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, nhiều địa

phương đã chủ động đổi mới cơ cấu giống lúa theo hướng tăng tỷ trọng diện tích các giống lúa có chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long đã chú trọng nhiều đến việc chỉ đạo tăng diện tích lúa hàng hoá chất lượng cao phục vụ xuất khẩu. Đến vụ đông xuân năm 2005, nhiều tỉnh trong vùng có tỷ lệ diện tích lúa chất lượng cao đạt khá như An Giang trên 90%, Tiền Giang trên 70%, Đồng Tháp 60%, ... Các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đã bước đầu hình thành những vùng sản xuất lúa đặc sản Tám thơm, Dự hương, nếp cái Hoa vàng vùng Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương ...

Việc giảm diện tích lúa mùa đã làm sản lượng lúa tăng chậm lại đồng thời chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống đã góp phần giảm bớt lượng lúa hàng hoá tồn đọng trong dân, giảm dần tình trạng cung vượt quá cầu trên thị trường lúa gạo trong nước, điều chỉnh giá bán theo hướng có lợi cho người sản xuất, tăng chất lượng lúa gạo xuất khẩu. Sản lượng lúa thời kỳ 2001 – 2005 bình quân hàng năm tăng 1,9%, thấp hơn tốc độ 5,4%/năm thời kỳ 1996 – 2000. Trong khi đó dân số vẫn tiếp tục tăng trên một triệu người/năm nhưng an ninh lương thực quốc gia vẫn giữ vững, thiếu đói giáp hạt giảm, thị trường và giá cả lương thực ổn định, không có các cơn sốt cục bộ kể cả ở những vùng bị thiên tai lũ lụt. Lương thực bình quân đầu người năm 2001 – 2005 đạt 464,6 kg/năm, tăng 52,7 kg so với bình quân năm 1996 – 2000.

Xuất khẩu gạo: Do sản xuất lúa chuyển dịch theo hướng đầu tư thâm canh, tăng chất lượng gạo nên gạo xuất khẩu cũng tăng nhanh cả về số lượng chất lượng và giá cả. Lượng gạo xuất khẩu năm 2001 là 3,7 triệu tấn, năm 2002 là 3,2 triệu tấn, năm 2003 là 3,8 triệu tấn, năm 2004 là 4,1 triệu tấn. Năm 2005, lần đầu tiên xuất khẩu gạo đạt mức 5,3 triệu tấn thu về cho đất nước hơn 1,34 tỷ USD, giá gạo bình quân đạt 267 USD/tấn. Đây là mức cao nhất đạt được trên cả 3 chỉ tiêu lượng, kim ngạch và giá cả xuất khẩu kể từ khi VN chính thức tham gia thị trường gạo thế giới. So với năm 2004, lượng gạo xuất khẩu tăng gần 1,2 triệu tấn (25%), kim ngạch tăng trên 400 triệu USD (45%) và giá cả tăng 48 USD/tấn (15%). Đây là năm thứ 17 VN liên tục xuất khẩu gạo, là năm thứ 3 đạt lượng gạo xuất khẩu trên 4 triệu tấn, năm thứ 2 đạt kim ngạch trên 1 tỉ USD và giữ vững vị trí thứ 2 của VN về xuất khẩu gạo, vượt qua Ấn Độ. Thành tựu không chỉ dừng lại ở đó mà còn được nâng cao hơn khi thị trường xuất khẩu gạo tiếp tục được mở rộng nhờ chất lượng gạo xuất khẩu VN có tiến bộ so với các năm trước. Năm 2005 gạo VN đã xâm nhập được vào các thị trường khó tính, yêu cầu chất lượng cao như Nhật, EU, Hoa Kỳ. Tại thị trường Nhật, 2005, VN đã xuất khẩu vào thị trường này 90.000 tấn gạo thơm, tăng 60% so với năm trước với giá rất hấp dẫn. Có được kết quả đó là do chất

lượng gạo VN đã đạt tiêu chuẩn nhập khẩu vào thị trường Nhật với 579 tiêu chuẩn khắt khe thay cho 250 tiêu chuẩn trước đây. Giá gạo xuất khẩu bình quân năm 2005 đạt 275 USD/tấn so với 232 USD/tấn năm 2004 và 188,2 USD/tấn năm 2003.

Nét đặc biệt quan trọng đánh dấu sự phát triển và tăng trưởng của xuất khẩu gạo VN thời kỳ 2001-2005 là tính ổn định cao trong điều kiện có sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường thế giới. Xu hướng rõ nhất là thời kỳ sau cao hơn thời kỳ trước. Lượng gạo xuất khẩu bình quân trong thời kỳ này là 3.706 nghìn tấn/năm, so với 1.734 nghìn tấn/năm thời kỳ 1991-1995 và 3663 nghìn tấn thời kỳ 1996-2000. Năm 2005 so với năm 1989, lượng gạo xuất khẩu gấp 3,57 lần, giá gạo tăng 63 USD/tấn (267-204 USD) và kim ngạch tăng gấp 7 lần (1.340/189 triệu USD). Kết quả đó đã được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Theo đánh giá của Tổ chức lương nông Liên Hiệp Quốc (FAO) khu vực châu Á- Thái Bình Dương, ở châu Á, ngoài cường quốc xuất khẩu gạo Thái Lan, còn 3 nước khác có khả năng cạnh tranh với VN là Ấn Độ, Pakistan và Trung Quốc. Song trong những năm qua sản lượng gạo xuất khẩu của 3 nước này đều không ổn định. Khác với các nước trong khu vực, sản xuất nông nghiệp nói chung và lúa gạo nói riêng ở VN phát triển ổn định và tăng trưởng nhanh. Kết quả sản xuất và xuất khẩu gạo còn có tác dụng tăng thu nhập của nông dân trồng lúa hàng hoá do giá lúa gạo trong nước tăng cao. Chỉ số giá lương thực tháng 12-2005 tăng gần 7,8% so với tháng 12-2004 và tăng 34,5% so với kỳ gốc năm 2000, thu nhập của nông dân tăng nhanh do được mùa lại được giá. Đó là xu hướng mới xuất hiện trong năm 2003, 2004 và 2005 có liên quan trực tiếp đến chuyển đổi cơ cấu sản xuất và xuất khẩu gạo.

Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả và các nhân tố tích cực, tình hình sản xuất lúa của VN 5 năm qua và hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn và thách thức.

Hạn chế lớn nhất trong sản xuất lúa là chưa gắn chặt với chế biến và thị trường, nhất là thị trường thế giới trong bối cảnh hội nhập. Chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng chưa cao, chưa tương xứng với vị trí và tiềm năng đất đai, nguồn nước, lao động trồng lúa của các vùng. Sản xuất lúa không đồng đều, trong khi năng suất, sản lượng và chất lượng lúa gạo vùng ĐBSCL và đồng bằng sông Hồng tăng khá nhanh thì 6 vùng còn lại đều tăng chậm và giảm. Cơ cấu giống lúa vẫn còn mang nặng tính truyền thống, chậm chuyển đổi sang sản xuất hàng hoá. Chất lượng lúa gạo tuy có tiến bộ song về cơ bản vẫn còn khoảng cách xa với yêu cầu thị trường và chưa ổn định. Số lượng và tỷ lệ diện tích gieo cấy các giống lúa gạo chất lượng cao, gạo thơm còn quá ít. Lúa thơm jasmine dù có tăng nhanh nhưng cũng mới đạt

trên 100. nghìn ha ở vùng ĐBSCL, giống lúa Nàng Thơm Chợ Đào (Long An) nhiều năm nay mới có trên dưới 500 ha. Với số lượng ít ỏi như vậy thì không đủ cung cấp cho thị trường trong nước, chưa nói gì đến xuất khẩu với số lượng lớn. Ngay cả gạo thơm VN sản xuất cũng có nhược điểm là giữ mùi không lâu, do các khâu chọn giống, kỹ thuật canh tác, trồng xen với các loại giống lúa thường, bảo quản sau thu hoạch, công nghệ phơi sấy.. chưa phù hợp. Lúa hè thu ở ĐBSCL có sản lượng lớn lại thu hoạch vào mùa mưa nhưng tỷ lệ được phơi sấy năm 2005 mới chỉ đạt 31% do đó chất lượng không cao, tỷ lệ tẩm cao. Tỷ lệ thất thoát trong và sau thu hoạch còn lớn 10-13%.

Nguyên nhân của những hạn chế trong sản xuất lúa và xuất khẩu gạo hiện nay có nhiều, trong đó chủ yếu là:

Dân số tăng nhanh, trung bình mỗi năm dân số tăng thêm trên 1 triệu người càng tăng sức ép cầu lương thực, chủ yếu là lúa gạo, cầu về đất thổ cư do san tách hộ nông nghiệp làm giảm đất lúa. Quỹ đất canh tác lúa có xu hướng giảm dần do quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá diễn ra nhanh. Hai vùng trọng điểm lúa là vùng ĐBSCL và đồng bằng sông Hồng đất canh tác lúa giảm dần với tốc độ nhanh.. Sản xuất lúa còn quá manh mún, phân tán theo quy mô nhỏ, tự cung tự cấp là phổ biến ở các vùng nông thôn, nhất là miền Bắc và miền Trung. Thị trường và giá cả phân bón, xăng dầu và thuốc bảo vệ thực vật phục vụ trồng lúa nói chung, không ổn định, xu hướng tăng nhanh hơn tốc độ tăng giá lúa làm tăng chi phí trung gian, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường lúa gạo thế giới. Công nghệ sau thu hoạch lúa nói chung còn kém từ vận chuyển, ra hạt, phơi sấy, bảo quản, sơ chế, chế biến gạo xuất khẩu còn nhiều hạn chế.

Sau hơn 17 năm xuất khẩu gạo và hiện nay trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới nhưng VN vẫn chưa có qui hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể về sản xuất lúa gạo xuất khẩu (vùng nào, địa phương nào, bao nhiêu diện tích, cơ cấu giống lúa, đầu tư thâm canh). Một số vùng và địa phương đã hình thành qui hoạch và kế hoạch nhưng vẫn nặng tính tự phát, cục bộ kể cả vùng ĐBSCL và ĐBSH. Mạng lưới thu mua, vận chuyển, chế biến lúa hàng hoá vẫn phụ thuộc quá lớn vào tư thương, chưa có sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp lương thực nhà nước. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ chế biến, bảo quản lúa gạo nói chung, gạo xuất khẩu nói riêng còn yếu kém lại phân bố không đều. Thiên tai, nhất là bão, lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh và các biến cố bất thường khác xảy ra hàng năm là thách thức lớn đối với an ninh lương thực VN. Những năm gần đây thời tiết diễn biến phức tạp: 3 năm liên; 2001, 2002 và 2004 lũ lớn, kéo dài ở ĐBSCL, ĐBSH gây thiệt hại nặng nề về sản xuất lúa trong vùng cũng như cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, làm ngập và mất trắng hàng trăm nghìn ha lúa hè thu,

lúa mùa.

2. Dự báo và giải pháp đến năm 2010

2.1. Dự báo:

Những căn cứ để dự báo sản xuất lúa gạo VN:

- Mục tiêu: Đại hội X của Đảng đề ra kế hoạch 5 năm 2006-2010 về sản xuất lương thực với mục tiêu chủ yếu là: đảm bảo an ninh lương thực quốc gia vững chắc cho trên, dưới 88 triệu dân đến năm 2010, trong mọi điều kiện thời tiết, đồng thời ổn định lượng gạo xuất khẩu bình quân hàng năm từ 4 - 4,5 triệu tấn, chủ yếu là gạo chất lượng cao. Thực hiện chủ trương không tăng diện tích lúa, chuyển một phần đất lúa năng suất thấp, không ổn định, sang trồng rau màu, cây công nghiệp, cây ăn quả hoặc nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch có lợi hơn. Với mục tiêu đó sản lượng lúa bình quân đầu người năm 2010 phải đạt mức 460 kg đến 470 kg và sản lượng lúa đạt trên, dưới 40 triệu tấn, chủ yếu là lúa chất lượng cao. Năng suất lúa bình quân phải đạt từ 53-55 tạ/ha/vụ.

- Thuận lợi: Các điều kiện cơ bản của sản xuất lúa đến năm 2010 của VN là đất, nước, phân bón, giống, khoa học công nghệ, thị trường tiêu thụ lúa gạo khá đảm bảo.

+ Quỹ đất trồng lúa cả nước trong 5 năm tới ổn định ở mức 4 triệu ha, diện tích gieo trồng có xu hướng ổn định ở mức trên, dưới 7,3 triệu ha/năm và xu hướng giảm dần.

+ Các yếu tố kỹ thuật canh tác lúa: 100% đất lúa được thủy lợi hoá, trong đó tỷ lệ đất lúa được tưới tiêu ổn định đạt trên 60%.

+ Phân bón sản xuất trong nước đang tăng dần do các nhà máy sản xuất phân đạm Phú Mỹ đã đi vào hoạt động, sắp tới công trình khí-điện-đạm Cà Mau sẽ đi vào hoạt động cùng với các nhà máy phân lân, supe photphat tăng công suất đảm bảo ổn định nguồn cung trong nước.

+ Ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là giống mới vào sản xuất để thực hiện các biện pháp thâm canh lúa nhằm tăng năng suất và chất lượng, giảm chi phí trung gian, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm lúa gạo trên thị trường.

+ Tổ chức và quản lý nông nghiệp không ngừng đổi mới và hoàn thiện theo hướng phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ nông dân, tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước, phù hợp với yêu cầu sản xuất lúa hàng hoá gắn với xuất khẩu gạo khi VN gia nhập WTO.

+ Thị trường xuất khẩu gạo mở rộng do VN là thành viên của WTO và uy tín lúa gạo VN trên thị trường thế giới được cải thiện. Quá trình hội nhập sâu vào kinh tế thế giới và khu vực, bên cạnh thách thức, lúa gạo VN cũng có nhiều cơ hội để mở rộng thị trường xuất khẩu. Trong khi đó nhu cầu gạo trên thị trường thế giới và khu

vực 5 năm tới dự báo vẫn tiếp tục sôi động do cầu vẫn tăng, như Indonesia, Philippines, Nhật. Những năm gần đây, Hiệp hội xuất khẩu gạo Thái Lan và VN đã có sự phối hợp trong các hoạt động xuất khẩu gạo giữa 2 nước trên thị trường thế giới và khu vực, cũng tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi nước.

- Thách thức: Sắp tới VN là thành viên của WTO nên thị trường nông sản nói chung, thị trường lúa gạo VN nói riêng sẽ mở rộng cửa cho hàng nhập khẩu từ các nước. Hàng rào thuế quan và sự bảo hộ của Nhà nước đối với sản xuất và xuất khẩu gạo sẽ hạn chế và tiến tới bãi bỏ. Gạo Thái Lan, Mỹ, Trung Quốc, Pakistan... và các nước khác có chất lượng cao, giá rẻ hơn sẽ tràn vào thị trường VN với thuế nhập khẩu không đáng kể. (94% hàng hoá Mỹ nhập vào VN hưởng thuế suất 15%, trong đó hàng lương thực gạo, ngô không đáng kể). Do đó lúa gạo VN phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt ngay trên sân nhà, trong khi đó cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, chế biến gạo còn non kém.

+ Dân số vẫn tăng nhanh, đất lúa có hạn, năng suất lúa nhiều vùng, nhất là vùng đồng bằng sông Hồng, đã chạm trần nên khả năng tăng năng suất là hạn chế. Trong khi đó tập quán sản xuất nhỏ, quy mô gia đình, tự cung tự cấp, chạy theo năng suất, xem nhẹ chất lượng gạo vẫn phổ biến trong hầu hết các hộ trồng lúa của các vùng. Trình độ dân trí, khoa học công nghệ, kiến thức thị trường của nông dân trồng lúa vẫn còn thấp.

Thực tế sản xuất và xuất khẩu gạo 7 tháng đầu năm 2006 của VN đã chứng minh các điều kiện thuận lợi và khó khăn trên đây là có căn cứ. Sản lượng lúa đông xuân 2006 đạt gần 17,6 triệu tấn, tăng 266 nghìn tấn so với vụ đông xuân 2005. Sản lượng gạo xuất khẩu 7 tháng đạt 3,34 triệu tấn, kim ngạch 906 triệu USD, giá bình quân 271,2 USD/tấn. So với cùng kỳ năm 2005, sản lượng lúa sản xuất tăng 1,5%, lượng gạo xuất khẩu chỉ bằng 95,3%; kim ngạch chỉ bằng 94,6% và giá bình quân 1 tấn chỉ bằng 99,5%.

Dự báo sản xuất lúa và xuất khẩu gạo :

- Chung cả nước. Xuất phát từ thực trạng những năm qua và các điều kiện của 5 năm tới, dự báo xu hướng sản xuất lúa và xuất khẩu gạo của VN từ năm 2006 đến năm 2010 sẽ diễn ra như sau (Bảng 1)

Bảng 1: Dự báo triển vọng lúa gạo VN thời kỳ 2006-2010

	Đơn vị tính	2006	2007	2008	2009	2010
Diện tích gieo cấy lúa	Nghìn ha	7.320	7.315	7.313	7.307	7.304
Năng suất bình quân 1 vụ	Tạ/ha	49,0	49,6	51,1	52,7	54,9
Sản lượng cả năm	Triệu tấn	35,90	36,32	37,41	38,55	40,10
Lượng gạo xuất khẩu	Triệu tấn	5,0	5,1	5,2	5,4	5,5

Dự báo cho sản xuất lúa của 2 vùng trọng điểm lúa:

- Vùng đồng bằng sông Cửu Long:

Quỹ đất lúa của vùng từ 2006-2010 ổn định ở mức 1,95 triệu ha, chiếm gần 50% tổng diện tích đất canh tác lúa cả nước. Dự báo trong 5 năm diện tích gieo trồng lúa của toàn vùng ổn định ở mức 3,8 triệu ha/năm, năng suất lúa bình quân 1 vụ sẽ tăng chậm lại với mức 1 tạ/ha và năm 2010 sẽ đạt 55 tạ/ha vụ. Sản lượng lúa năm 2010 của vùng này sẽ đạt mức 21,25 triệu tấn, trong đó 60% là lúa chất lượng cao.

- Vùng đồng bằng sông Hồng: Dự báo trong 5 năm 2006-2010 diện tích gieo cấy lúa vùng này giảm bình quân 40-50 nghìn ha/năm và đến năm 2010 còn trên 1 triệu ha, năng suất lúa của vùng sẽ đạt mức 5,9 đến 6,0 tấn/ha/vụ. Như vậy sản lượng lúa của vùng đến năm 2010 sẽ đạt mức trên dưới 6,65 triệu tấn, chủ yếu do tăng năng suất và tăng chất lượng lúa gạo.

2.2. Một số giải pháp chủ yếu đến năm 2010:

Trong điều kiện dân số tăng trên 1 triệu người/năm và quỹ đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp, nhất là đất canh tác lúa, lại giảm dần, để đảm bảo an ninh lương thực và ổn định gạo xuất khẩu với mức trên 5 triệu tấn/năm, những năm 2006-2010 cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau:

- Hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp theo hướng đất nào cây ấy, lấy giá trị thu nhập trên 1 đơn vị diện tích làm mục tiêu. Quy hoạch sử dụng đất gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của cả nước, từng vùng và từng địa phương, vùng sản xuất hàng hoá với hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi, quy mô lớn, chất lượng cao. Trên cơ sở đó điều chỉnh quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên vùng đất lúa phù hợp với phương châm ổn định, lâu dài và hiệu quả cao, khác phục tình trạng tự phát, manh mún, tự cung tự cấp. Điều chỉnh quy hoạch sản xuất lúa trên phạm vi cả nước theo hướng tập trung đầu tư các vùng trọng điểm có thể mạnh về sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao như ĐBSCL, ĐBSH và một số vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch và đầu tư thoả đáng vùng sản xuất lúa thâm canh chất lượng cao trên cơ sở quy hoạch đã có 1 triệu ha vùng ĐBSCL, 300 nghìn ha vùng ĐBSH. Đối với các vùng khác có nhiều diện tích lúa có điều kiện tưới tiêu ổn định cần hoàn thiện quy hoạch và đầu tư thích hợp để khai thác tốt tiềm năng tại chỗ, đảm bảo lương thực cho nhu cầu sản xuất và đời sống dân cư, hạn chế nạn phá rừng làm rẫy của đồng bào miền núi.

- Phát triển sản xuất lúa theo hướng bền vững. Theo hướng đó, từ nay đến năm 2010 cần ổn định diện tích canh tác lúa ở mức 4 triệu ha, gieo trồng 2 vụ an chắc trong năm. Giải pháp kỹ thuật là đầu tư chiều sâu, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất lúa, để tăng năng suất

đi đôi với tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí trung gian, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới. Phát triển và nâng cấp các công trình thủy lợi để nâng cao khả năng chống đỡ với bão, lũ, hạn hán có hiệu quả, tiến tới thực hiện tưới tiêu chủ động cho toàn bộ 4 triệu ha đất lúa, tạo tiền đề cho thâm canh cao 2 vụ lúa trong năm với năng suất cao và ổn định. Tập trung cao độ nguồn lực của Nhà nước và nhân dân để phát triển mạnh sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao ở hai vùng trọng điểm lúa là ĐBSCL và ĐBSH nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu gạo. Phát triển mạnh sản xuất ngô theo hướng chuyên canh và thâm canh cao gắn với công nghiệp chế biến thức ăn gia súc để hạn chế nhập khẩu. Mục tiêu đến năm 2010 đạt sản lượng 6 triệu tấn ngô hạt chất lượng cao, giảm cầu đối với sản xuất lúa làm thức ăn chăn nuôi ở Nam Bộ.

- Ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất lúa, trong đó trọng tâm là công nghệ sinh học, kỹ thuật tưới tiêu theo nhu cầu sinh trưởng cây lúa, cơ giới hoá làm đất, gieo sạ, chăm sóc để giảm bớt chi phí trung gian, giảm giá thành lúa, công nghệ ra hạt, phơi sấy, bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến, đánh bóng gạo xuất khẩu .. để giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng chất lượng gạo.

- Tạo thêm nhiều việc làm mới ở nông thôn để thu hút lao động dư thừa từ nông nghiệp nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống nông dân một cách cơ bản, lâu dài, thay cho trồng lúa. Điều kiện thực hiện là: khôi phục các làng nghề truyền thống, phát triển các làng nghề mới và mở mang các hoạt động dịch vụ ở nông thôn; nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn và cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành nông nghiệp theo yêu cầu CNH, HĐH. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ xã, HTX, thôn, các chủ trang trại, các chủ hộ và lao động nông thôn để nâng cao trình độ quản lý, kỹ thuật và kiến thức kinh tế thị trường, các hoạt động dịch vụ.

- Đổi mới phương thức tiêu dùng lương thực trong dân cư theo hướng tăng tỷ lệ thực phẩm, rau quả đồng thời tăng tỷ lệ mỳ, giảm tỷ lệ gạo trong cơ cấu bữa ăn. Để thực hiện giải pháp này, một mặt phải đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp, xoá độc canh cây lúa, tạo ra nhiều nông sản thực phẩm, tăng thu nhập của hộ nông dân, mặt khác phải nâng cao dân trí cho dân cư thành thị, nông thôn bằng các hình thức và giải pháp thích hợp.

- Hình thành tập đoàn xuất khẩu gạo, mở rộng thị trường xuất khẩu gạo theo hướng lâu dài, bền vững bằng tăng sức cạnh tranh của gạo VN cả về chất lượng và giá cả. Tăng cường hợp tác với các nước xuất khẩu gạo, nhất là Thái Lan trong các hoạt động liên quan đến điều tiết thị trường lúa gạo thế giới từng thời kỳ, phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế của mỗi nước ■